

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG

KẾT THÚC NGÀY 30/06/2013

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

NỘI DUNG	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B01a-DN/HN

(Đvt: VND'000)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
1	2	3	4	5	6	7
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6,484,497,306	6,125,830,321	6,387,205,541	6,576,859,263
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.1	5,218,498,824	3,383,585,011	2,705,795,054	871,211,108
Tiền	111		104,363,879	68,852,030	38,295,054	17,711,108
Các khoản tương đương tiền	112		5,114,134,945	3,314,732,981	2,667,500,000	853,500,000
Đầu tư ngắn hạn	120	III.2	-	1,772,500,000	-	1,413,000,000
Đầu tư ngắn hạn	121		-	1,772,500,000	-	1,413,000,000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	III.3	340,218,100	375,303,069	3,540,431,622	4,240,892,060
Phải thu khách hàng	131		179,533,365	121,299,838	140,040,253	84,796,634
Trả trước cho người bán	132		137,591,634	100,853,227	2,195,652	854,725
Phải thu khác	135	III.4	24,027,944	153,527,772	3,398,195,717	4,155,240,701
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	III.5	(934,843)	(377,768)	-	-
Hàng tồn kho	140	III.6	874,904,892	563,855,229	118,059,342	37,042,904
Hàng tồn kho	141		885,147,857	575,846,111	118,441,890	37,438,367
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10,242,965)	(11,990,882)	(382,548)	(395,463)
Tài sản ngắn hạn khác	150		50,875,490	30,587,012	22,919,523	14,713,191
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		29,407,921	12,754,718	8,209,538	3,019,439
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,451,195	12,108,407	10,982,630	8,577,312
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		157,449	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		5,858,925	5,723,887	3,727,355	3,116,440

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
1	2	3	4	5	6	7
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13,208,456,379	11,141,536,434	9,837,817,878	7,830,164,547
Các khoản phải thu dài hạn	210		7,056,819,125	5,470,161,109	7,041,248,320	5,461,835,331
Phải thu dài hạn khác	218	III.7	7,056,819,125	5,470,161,109	7,041,248,320	5,461,835,331
Tài sản cố định	220		3,068,469,454	3,027,005,061	8,189,551	16,284,074
Tài sản cố định hữu hình	221	III.8	1,621,283,281	1,497,779,704	6,648,753	12,822,414
Nguyên giá	222		2,194,702,739	1,970,801,774	29,862,452	41,242,174
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(573,419,458)	(473,022,070)	(23,213,699)	(28,419,760)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		-	-	-	-
Nguyên giá	225		-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	III.9	819,675,366	857,364,745	1,516,758	2,736,857
Nguyên giá	228		1,044,223,957	1,018,998,953	9,899,036	10,106,371
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(224,548,591)	(161,634,208)	(8,382,278)	(7,369,514)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	III.10	627,510,807	671,860,612	24,040	724,803
Đầu tư dài hạn	250		2,404,378,446	2,332,887,118	2,761,043,396	2,322,673,387
Đầu tư vào các công ty con	251	III.11	-	-	2,526,543,396	2,088,173,387
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	III.12	2,035,278,446	1,967,387,118	-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		369,100,000	365,500,000	234,500,000	234,500,000
Tài sản dài hạn khác	260		678,789,354	311,483,146	27,336,611	29,371,755
Chi phí trả trước dài hạn	261	III.13	30,916,411	18,914,285	2,684,524	341,919
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		47,491,328	36,034,944	16,343,345	21,169,094
Tài sản dài hạn khác	268		10,136,522	7,901,742	8,308,742	7,860,742
Lợi thế thương mại	269	III.18	590,245,093	248,632,175	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		19,692,953,685	17,267,366,755	16,225,023,419	14,407,023,810

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
1	2	3	4	5	6	7
NỢ PHẢI TRẢ	300		5,134,917,924	5,858,041,705	2,692,024,192	3,482,835,684
Nợ ngắn hạn	310		2,426,678,966	3,212,419,012	2,671,879,948	3,468,252,718
Vay và nợ ngắn hạn	311	III.14	1,113,382,094	1,683,446,854	543,324,755	758,686,221
Phải trả người bán	312		514,338,109	505,190,383	1,708,664,793	2,317,038,316
Người mua trả tiền trước	313		9,936,699	14,490,437	5,822,378	9,559,959
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.15	282,922,029	560,603,580	93,898,909	276,248,369
Phải trả người lao động	315		45,318,750	11,965,824	16,381,343	10,825
Chi phí phải trả	316	III.16	399,712,537	394,648,118	115,842,038	106,541,318
Phải trả khác	319	III.17	38,890,812	31,349,049	187,945,732	167,710
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		22,177,936	10,724,767	-	-
Vay và nợ dài hạn	330		2,708,238,958	2,645,622,693	20,144,244	14,582,966
Phải trả dài hạn khác	333	III.19	34,362,266	14,582,966	20,144,244	14,582,966
Vay và nợ dài hạn	334	III.20	2,570,028,925	2,521,943,420	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		103,847,767	109,096,307	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		-	-	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13,746,725,053	10,604,651,131	13,532,999,227	10,924,188,126
Vốn chủ sở hữu	410		13,746,725,053	10,604,651,131	13,532,999,227	10,924,188,126
Vốn cổ phần	411		5,273,359,100	5,025,000,000	5,273,359,100	5,025,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		5,088,056,395	3,111,514,809	5,088,056,395	3,111,514,809
Quỹ khác	413		(283,274,277)	(283,274,277)	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		18,324,741	18,324,741	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		4,407,232	4,407,232	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,645,851,862	2,728,678,626	3,171,583,732	2,787,673,317
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	434		811,310,708	804,673,919	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		19,692,953,685	17,267,366,755	16,225,023,419	14,407,023,810

Người lập:



Phạm Đình Toại
Giám đốc tài chính

Người duyệt



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II và lũy kế năm 2013

Mẫu số B02a-DN/HN

(Đvt: VND'000)

Tập đoàn

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
Tổng doanh thu	1	IV.1	2,779,713,758	2,559,049,593	4,354,939,850	4,164,133,556
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		(43,620,923)	(34,728,218)	(84,861,166)	(102,259,049)
Doanh thu thuần	10		2,736,092,835	2,524,321,375	4,270,078,684	4,061,874,507
Giá vốn hàng bán	11	IV.2	(1,624,772,211)	(1,486,208,986)	(2,651,459,376)	(2,464,703,581)
Lợi nhuận gộp	20		1,111,320,624	1,038,112,389	1,618,619,308	1,597,170,926
Doanh thu hoạt động tài chính	21	IV.3	380,834,877	245,552,538	715,259,840	638,410,397
Chi phí tài chính	22	IV.4	(140,191,487)	(107,910,762)	(251,305,841)	(235,583,494)
Chi phí bán hàng	24		(386,077,610)	(302,171,892)	(732,044,793)	(526,559,066)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(133,992,099)	(95,905,359)	(248,871,247)	(182,421,138)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		831,894,305	777,676,914	1,101,657,267	1,291,017,625
Kết quả từ các hoạt động khác	40		9,593,965	12,681,838	15,059,849	8,675,958
Thu nhập khác	31	IV.5	13,521,763	12,765,375	22,219,997	17,533,984
Chi phí khác	32	IV.6	(3,927,798)	(83,537)	(7,160,148)	(8,858,026)
Lợi nhuận/(Lỗ) được chia từ công ty liên kết	41		25,735,323	-	65,001,334	-
Lợi nhuận trước thuế	50		867,223,593	790,358,752	1,181,718,450	1,299,693,583
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	IV.7	(164,113,140)	(113,030,091)	(265,869,501)	(140,260,662)
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	IV.7	(22,813,639)	26,119,578	15,007,075	(30,198,191)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		680,296,814	703,448,239	930,856,024	1,129,234,730
Lợi nhuận phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		(5,758,485)	16,623,777	(6,804,707)	21,221,400
Cổ đông sở hữu vốn chủ sở hữu của Công ty	62		686,055,299	686,824,462	937,660,731	1,108,013,330
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	70		1,313	1,455	1,795	2,213

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

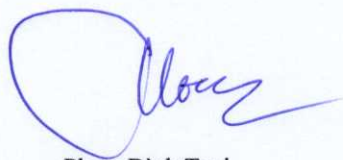
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

Công ty

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
Tổng doanh thu	1	IV.1	2,282,021,383	2,177,415,096	3,508,065,605	3,425,809,986
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		(21,797,851)	(18,873,177)	(52,211,136)	(85,433,511)
Doanh thu thuần	10		2,260,223,532	2,158,541,919	3,455,854,469	3,340,376,475
Giá vốn hàng bán	11	IV.2	(2,076,073,009)	(2,045,279,389)	(3,188,761,969)	(3,199,089,594)
Lợi nhuận gộp	20		184,150,523	113,262,530	267,092,500	141,286,881
Doanh thu hoạt động tài chính	21	IV.3	419,701,175	256,871,033	800,991,619	578,771,125
Chi phí tài chính	22	IV.4	(108,487,771)	(96,870,816)	(212,066,336)	(203,676,674)
Chi phí bán hàng	24		(131,234,937)	(136,970,742)	(255,355,731)	(214,226,782)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(45,919,004)	(29,556,732)	(85,952,539)	(52,656,173)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		318,209,986	106,735,273	514,709,513	249,498,377
Kết quả từ các hoạt động khác	40		(30,340)	2,151,651	173,507	2,158,602
Thu nhập khác	31	IV.5	162,993	2,190,429	5,163,273	2,198,704
Chi phí khác	32	IV.6	(193,333)	(38,778)	(4,989,766)	(40,102)
Lợi nhuận/(Lỗ) được chia từ công ty liên kết	41		-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	50		318,179,646	108,886,924	514,883,020	251,656,979
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	IV.7	(62,870,561)	(26,748,662)	(120,182,136)	(164,036)
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	IV.7	(12,900,172)	311,795	(4,825,749)	(62,058,842)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		242,408,913	82,450,057	389,875,135	189,434,101

Người lập:



Phạm Đình Toại

Giám đốc tài chính

Người duyệt



Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

Tập đoàn (Giả định) (*)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
Tổng doanh thu	1		2,779,713,758	2,559,049,593	4,354,939,850	4,164,133,556
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		(43,620,923)	(34,728,218)	(84,861,166)	(102,259,049)
Doanh thu thuần	10		2,736,092,835	2,524,321,375	4,270,078,684	4,061,874,507
Giá vốn hàng bán	11		(1,624,772,211)	(1,486,208,986)	(2,651,459,376)	(2,464,703,581)
Lợi nhuận gộp	20		1,111,320,624	1,038,112,389	1,618,619,308	1,597,170,926
Doanh thu hoạt động tài chính	21		380,834,877	245,552,538	715,259,840	638,410,397
Chi phí tài chính	22		(140,191,487)	(107,910,762)	(251,305,841)	(235,583,494)
Chi phí bán hàng	24		(386,077,610)	(302,171,892)	(732,044,793)	(526,559,066)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(82,598,865)	(53,945,733)	(155,518,386)	(98,501,885)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		883,287,539	819,636,540	1,195,010,128	1,374,936,878
Kết quả từ các hoạt động khác	40		9,593,965	3,210,074	15,059,849	8,675,958
Thu nhập khác	31		13,521,763	8,835,750	22,219,997	17,533,984
Chi phí khác	32		(3,927,798)	(5,625,676)	(7,160,148)	(8,858,026)
Lợi nhuận/(Lỗ) được chia từ công ty liên kết	41		49,640,715	-	113,361,271	-
Lợi nhuận trước thuế	50		942,522,219	822,846,614	1,323,431,248	1,383,612,836
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(164,113,140)	(113,030,091)	(265,869,501)	(140,260,662)
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		(25,437,910)	23,495,307	9,758,534	(35,446,732)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		752,971,169	733,311,830	1,067,320,281	1,207,905,442
Lợi nhuận phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		9,387,814	30,115,483	23,487,892	53,427,407
Cổ đông sở hữu vốn chủ sở hữu của Công ty	62		743,583,355	703,196,347	1,043,832,389	1,154,478,035
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	70		1,423	1,616	1,998	2,519

(*) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá trị tăng thêm do đánh giá lại tài sản cố định từ thương vụ mua lại Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa, Công ty cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc và Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng năm 2013

Mẫu số B03a-DN/HN

(Đvt: VND'000)

CHỈ TIÊU	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		Lũy kế từ đầu năm		Lũy kế từ đầu năm	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	1	1,181,718,450	1,299,693,583	514,883,020	251,656,979
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	2	204,859,351	160,916,635	3,304,500	5,246,249
Các khoản dự phòng	3	6,156,852	20,661,941	-	13,016,138
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(3,940,746)	(702,042)	(6,894,785)	(62,091)
Lãi/(Lãi) từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	5	79,689	1,565,696	(47,701)	-
Thu nhập lãi và cổ tức	6	(741,050,557)	(633,503,308)	(791,588,161)	(578,710,930)
Chi phí lãi vay	7	211,025,757	214,527,977	209,684,236	203,534,243
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	858,848,796	1,063,160,482	(70,658,891)	(105,319,412)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	9	(138,441,338)	10,751,649	(68,167,002)	(54,245,544)
Biến động hàng tồn kho	10	(262,889,822)	(327,621,430)	(81,016,438)	(205,824,374)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	137,557	222,937,578	(583,812,425)	505,442,244
Biến động các khoản chi phí trả trước	12	(9,748,535)	-	(5,302,959)	-
		447,906,658	969,228,279	(808,957,715)	140,052,914
Tiền lãi vay đã trả	13	(208,692,482)	(124,650,997)	(21,691,679)	(31,633,717)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(561,482,979)	(174,400,722)	(302,156,051)	(13,973,363)
Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh	15	(17,898,583)	(11,629,078)	(569,510)	(303,865)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	(340,167,386)	658,547,482	(1,133,374,955)	94,141,969

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua tài sản cố định, tài sản dài hạn khác và chi XDCBDD	21	(97,646,941)	(385,212,725)	(1,682,597)	(2,454,917)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	113,079	795,419	3,844,077	-
Khoản vay cấp cho các bên liên quan	23	(1,050,000,000)	-	(1,050,000,000)	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ các bên liên quan	24	-	-	6,330,695	-
Khoản vay cấp cho cá nhân		-	-	-	-
Tiền thu hồi từ các khoản vay cấp cho cá nhân		-	-	-	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn		(24,037,551,224)	(13,303,415,511)	(13,383,541,333)	(3,773,900,000)
Thu tiền gửi có kỳ hạn		25,810,051,224	12,300,415,511	14,796,541,333	2,678,600,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(429,139,096)	-	(438,370,009)	(200,000,000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức		278,105,539	164,301,401	1,025,308,446	1,102,348,665
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	30	473,932,581	(1,223,115,905)	958,430,612	(195,406,252)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	2,260,660,104	12,500,000	2,224,900,686	12,500,000
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33	2,539,279,745	803,363,721	1,623,720,289	206,880,578
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3,112,310,382)	(1,732,436,330)	(1,839,092,751)	(774,769,291)
Tiền chi trả cổ tức	35	(14,925,869)	(15,868,649)	-	-
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40	1,672,703,598	(932,441,258)	2,009,528,224	(555,388,713)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1,806,468,793	(1,497,009,681)	1,834,583,881	(656,652,996)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	3,383,585,011	4,730,726,781	871,211,108	1,548,283,789
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	28,445,020	-	65	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	5,218,498,824	3,233,717,100	2,705,795,054	891,630,793

Người lập:



Phạm Đình Toại

Giám đốc tài chính

Người duyệt



Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

6 tháng năm 2013

Tập đoàn	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quý khác	Lợi nhuận chưa phân phối	VCSH thuộc về cổ đông sở hữu VCSH của Công ty	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	2,500,000,000	3,111,514,809	-	-	(191,690,689)	2,517,269,211	7,937,093,331	802,243,135	8,739,336,466
Vốn cổ phần đã phát hành	12,500,000	-	-	-	-	-	12,500,000	-	12,500,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	2,512,500,000	-	-	-	-	(2,512,500,000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(25,988,156)	(25,988,156)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2,764,147,061	2,764,147,061	86,162,000	2,850,309,061
Thù lao và khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành	-	-	-	-	-	(1,778,972)	(1,778,972)	(1,760,863)	(3,539,835)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	18,324,741	4,407,232	-	(22,731,973)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(15,726,702)	(15,726,702)	(7,601,733)	(23,328,435)
Mua thêm cổ phần của công ty con	-	-	-	-	(73,663,988)	-	(73,663,988)	(48,380,464)	(122,044,452)
Mua công ty con - giao dịch chịu sự kiểm soát chung	-	-	-	-	(17,919,600)	-	(17,919,600)	-	(17,919,600)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	5,025,000,000	3,111,514,809	18,324,741	4,407,232	(283,274,277)	2,728,678,625	10,604,651,130	804,673,919	11,409,325,049
Vốn cổ phần đã phát hành	248,359,100	1,976,541,586	-	-	-	-	2,224,900,686	-	2,224,900,686
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	40,753,946	40,753,946
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	937,660,732	937,660,732	(6,804,707)	930,856,025
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(14,925,869)	(14,925,869)
Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(18,709,130)	(18,709,130)	(10,822,346)	(29,531,476)
Thù lao và khen thưởng Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành	-	-	-	-	-	(1,778,365)	(1,778,365)	(1,564,235)	(3,342,600)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2013	5,273,359,100	5,088,056,395	18,324,741	4,407,232	(283,274,277)	3,645,851,862	13,746,725,053	811,310,708	14,558,035,761

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN
 Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

Công ty	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng	(Đvt: VND'000)
Số dư tài ngày 1 tháng 1 năm 2012	2,500,000,000	3,111,514,809	2,528,555,065	8,140,069,874	
Vốn cổ phần đã phát hành	12,500,000	-	-	12,500,000	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	2,512,500,000	(2,512,500,000)	(2,825,402)	(2,825,402)	
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	2,774,443,656	2,774,443,656	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	
Số dư tài ngày 31 tháng 12 năm 2012	5,025,000,000	3,111,514,809	2,787,673,319	10,924,188,128	
Vốn cổ phần đã phát hành	248,359,100	1,976,541,586	-	2,224,900,686	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	389,875,135	389,875,135	
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(5,964,722)	(5,964,722)	
Số dư tài ngày 30 tháng 06 năm 2013	5,273,359,100	5,088,056,395	3,171,583,732	13,532,999,227	

Người lập:



Phạm Đình Toại
 Giám đốc tài chính



Nguyễn Đăng Quang
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

(Bảng thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc, xe ô tô, công cụ và dụng cụ, vật liệu, dụng cụ gia đình, máy vi tính, thiết bị văn phòng, thực phẩm, sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp, sản xuất và kinh doanh nước uống không cồn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103000082 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (“BKHDĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh (sau đây được gọi chung là “Giấy phép đầu tư”). Giấy chứng nhận có giá trị trong 46 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh đầu tiên.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Hoạt động chính của các công ty trong Tập đoàn được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm vốn cổ phần và quyền biểu quyết nắm giữ	
		30/06/2013	31/12/2012
Công ty con:			
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Masan	Kinh doanh thực phẩm	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan) (*)	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến) (*)	Sản xuất nước chấm	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt) (*)	Sản xuất bao bì	100%	100%
Công ty Cổ phần Ma San PQ (*)	Sản xuất nước chấm	94,5%	94,5%
Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San HD) (*)	Sản xuất mì ăn liền	100%	100%
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	53,20%	53,20%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ	Đầu tư tài chính	100%	100%
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào (**)	Sản xuất đồ uống	63.51%	-
Công ty liên kết:			
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc (Proconco)	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	40%	40%

(*) Các công ty con này là gián tiếp thuộc sở hữu toàn bộ của Công ty thông qua Công ty TNHH Thực phẩm Ma San.

(**) Vào ngày 31 tháng 01 năm 2013, Công ty đã mua lại 24.9% cổ phần của Công ty Nước Khoáng Vĩnh Hào (“Vĩnh Hào”) với giá VND171.436.500.000. Vào ngày 27 tháng 03 năm 2013, Công ty đã mua thêm 38.61% cổ phần của Vĩnh Hào với giá VND265.842.600.000 không bao gồm chi phí giao dịch, làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 24.9% lên 63.51%.

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Tập đoàn có 5.405 nhân viên (31/12/2011: 5.249 nhân viên).

II. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VND’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Chính sách kế toán đối với hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 Hợp nhất kinh doanh và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 Chuẩn mực chung và Chuẩn mực kế toán số 21 Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

(iii) Chính sách kế toán đối với hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

(iv) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính

sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Lợi ích cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính được thuyết minh theo Thông tư 210 không yêu cầu thuyết minh số liệu so sánh do việc áp dụng phi hồi tố.

Đánh giá giá trị hợp lý của các thuyết minh

Theo Thông tư 210, Tập đoàn và Công ty thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như được so sánh với giá trị ghi sổ của nó trong Thuyết minh 36.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ được chi trả giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và sẵn sàng tham gia một giao dịch bình đẳng tại ngày định giá.

Khi cần, Tập đoàn và Công ty định giá giá trị hợp lý của một công cụ sử dụng giá niêm yết trên thị trường năng động đối với công cụ này. Một thị trường được xem là năng động nếu giá niêm yết luôn sẵn có và phản ánh các giao dịch thị trường thực tế và thường xuyên diễn ra theo nguyên tắc bình đẳng.

Nếu thị trường của một công cụ tài chính nào đó không năng động, Tập đoàn và Công ty thiết lập giá trị hợp lý bằng cách sử dụng các kỹ thuật định giá. Các kỹ thuật định giá bao gồm việc sử dụng các giao dịch bình

đăng gán nhất giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và sẵn sàng giao dịch, liên hệ đến giá trị hợp lý hiện tại của các công cụ tương đồng, dòng tiền chiết khấu và các phân tích định giá khác. Kỹ thuật định giá được lựa chọn tận dụng tối đa các yếu tố đầu vào từ thị trường, dựa vào các ước tính riêng của Tập đoàn và Công ty ít nhất một cách có thể, kết hợp tất cả các yếu tố mà các đối tượng tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập giá, và phù hợp với các phương pháp định giá công cụ tài chính, được công nhận. Các yếu tố đầu vào phản ánh một cách hợp lý kỳ vọng của thị trường và các định giá lợi nhuận – rủi ro vốn có trong công cụ tài chính.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, tỷ giá hối đoái dùng để quy đổi các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, tỷ giá hối đoái bình quân của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản là 21.110VND/1USD.

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư vào công cụ vốn của các công ty mà Công ty hoặc Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong các báo cáo tài chính của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc

bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(iii) Thương hiệu

Nguyên giá mua lại thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong kỳ năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu thu được trong hợp nhất kinh doanh dựa trên giá thanh toán thương hiệu chiết khấu ước tính đã tránh được do đã sở hữu thương hiệu. Giá trị hợp lý của thương hiệu thu được trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận như là một tài sản vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(iv) Quan hệ khách hàng

Quan hệ khách hàng Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản vô hình. Giá trị hợp lý của quan hệ khách hàng nhận được từ hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp lợi nhuận thặng dư nhiều kỳ, theo đó tài sản phụ thuộc được định giá sau khi đã trừ đi khoản lợi nhuận hợp lý trên tất cả các tài sản khác mà góp phần tạo ra dòng tiền liên quan. Giá trị hợp lý của quan hệ khách hàng được vốn hóa theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(ii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ trong vòng 2 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại một công ty con từ bên thứ 3 trong hợp nhất kinh doanh không dưới sự kiểm soát chung. Giá vốn của lợi thế thương mại thể hiện phần chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng có thể xác định được tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong công ty được mua.

Lợi thế thương mại được hạch toán theo giá vốn trừ giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỉ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường vào thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản

nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí gia tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(r) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và góp vốn, cổ tức, và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và góp vốn và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn và Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Tập đoàn và Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty và Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, lợi thế thương mại và chi phí phân bổ lợi thế thương mại, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(w) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các cổ đông này.

(x) Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu

Các cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại các cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn không được Tập đoàn ghi nhận lại.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Tiền mặt	1,218,408	1,826,091	80,172	1,058,950
Tiền gửi ngân hàng	103,145,471	67,025,939	38,214,882	16,652,158
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	5,114,134,945	3,314,732,981	2,667,500,000	853,500,000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5,218,498,824	3,383,585,011	2,705,795,054	871,211,108

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn và Công ty bao gồm các khoản tiền có đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt là: 2.134.890 triệu VND và 3.715 triệu VND (30/12/2012 là 2.103.080 triệu VND và 6.200 triệu VND).

2 Đầu tư ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	-	1,772,500,000	-	1,413,000,000

3 Các khoản phải thu khách hàng

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Phải thu khách hàng	179,533,365	121,299,838	140,040,253	84,796,634
Cộng	179,533,365	121,299,838	140,040,253	84,796,634

4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Lãi tiền gửi phải thu	13,841,391	79,694,131	11,596,628	58,312,208
Phải thu công ty liên quan	-	-	2,192,902,527	2,134,403,706
Phải thu cổ tức	-	64,000,000	1,190,010,262	1,962,010,262
Phải thu khác	10,186,553	9,833,641	3,686,299	514,525
Cộng	24,027,944	153,527,772	3,398,195,716	4,155,240,701

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Số dư đầu năm	377,768	1,083,816	-	824,837
Tăng dự phòng trong kỳ	522,065	143,814	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	35,010	(832,368)	-	(824,837)
Hoàn nhập dự phòng do trích dư	-	(17,494)	-	-
Số dư cuối kỳ	934,843	377,768	-	-

6 Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Hàng mua đang đi trên đường	54,945,161	15,348,733	7,669,074	-
Nguyên vật liệu	390,638,506	396,320,672	7,788,461	15,406,738
Công cụ và dụng cụ	60,268,338	26,793,824	-	-
Sản phẩm dở dang	125,503,930	88,448,423	-	-
Thành phẩm	252,793,398	48,912,429	1,946,251	-
Hàng hóa	998,523	22,030	101,038,103	22,031,629
	885,147,856	575,846,111	118,441,889	37,438,367
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10,242,965)	(11,990,882)	(382,548)	(395,463)
Cộng	874,904,891	563,855,229	118,059,341	37,042,904

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Số dư đầu năm	11,990,882	12,900,974	395,463	753,290
Tăng do mua doanh nghiệp mới	326,997	-	-	-
Tăng dự phòng trong kỳ	11,005,474	46,618,335	-	1,555,596
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(8,196,756)	(41,705,365)	-	(1,677,498)
Hoàn nhập dự phòng	(4,883,632)	(5,823,062)	(12,915)	(235,925)
Số dư cuối kỳ	10,242,965	11,990,882	382,548	395,463

7 Các khoản phải thu dài hạn khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Lãi tiền gửi phải thu	43,372,083	23,157,903	27,801,278	14,832,125
Phải thu công ty liên quan -Nợ vay	5,050,000,000	4,000,000,000	5,050,000,000	4,000,000,000
Phải thu công ty liên quan -Lãi dự thu	1,963,447,042	1,447,003,206	1,963,447,042	1,447,003,206
Cộng	7,056,819,125	5,470,161,109	7,041,248,320	5,461,835,331

Khoản cho phải thu dài hạn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San không có đảm bảo. Bao gồm trong khoản phải thu dài hạn này có VND4,000 tỷ và VND1,050 tỷ chịu lãi suất năm tương ứng là 13% và 10.5% (2012: 13% một năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày: 30/06/2013

8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Tập đoàn</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> VND'000	<u>Thiết bị, dụng cụ</u> VND'000	<u>Máy móc thiết bị</u> VND'000	<u>Phương tiện vận tải</u> VND'000	<u>Tổng cộng</u> VND'000
Nguyên giá					
Số đầu năm	461,151,524	35,564,219	1,453,022,198	21,063,833	1,970,801,774
Tăng từ mua công ty con	24,873,591	320,245	36,553,886	6,372,162	68,119,884
Tăng trong kỳ	520,923	1,518,961	12,367,690	-	14,407,574
Tăng từ XDCBDD	60,329,617	9,310,442	97,869,116	724,803	168,233,978
Thanh lý	-	(351,954)	(798,711)	-	(1,150,665)
Chuyển nhóm tài sản	(739,989)	(12,918,649)	(11,555,616)	(495,550)	(25,709,804)
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	546,135,666	33,443,264	1,587,458,563	27,665,248	2,194,702,741
Khấu hao					
Số đầu năm	60,630,413	17,661,432	381,217,887	13,512,338	473,022,070
Tăng trong kỳ	14,739,633	3,396,485	98,328,896	1,648,634	118,113,648
Thanh lý	-	(296,727)	(661,170)	-	(957,897)
Chuyển nhóm tài sản	(644,343)	(7,748,866)	(8,103,361)	(261,794)	(16,758,364)
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	74,725,703	13,012,324	470,782,252	14,899,178	573,419,457
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	400,521,111	17,902,787	1,071,804,311	7,551,495	1,497,779,704
Số cuối kỳ	471,409,963	20,430,940	1,116,676,311	12,766,070	1,621,283,284

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày: 30/06/2013

<u>Công ty</u>	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> VND'000	<u>Thiết bị, dụng cụ</u> VND'000	<u>Máy móc thiết bị</u> VND'000	<u>Phương tiện vận tải</u> VND'000	<u>Tổng cộng</u> VND'000
Nguyên giá					
Số đầu năm	8,872,482	11,111,596	10,674,210	10,583,885	41,242,173
Tăng trong kỳ	-	86,242	86,727	-	937,969
Tăng từ XDCBDD	-	-	187,785	724,803	912,588
Thanh lý	-	(111,707)	(8,005,716)	-	(8,117,423)
Chuyển nhóm tài sản	-	(4,617,232)	(473,100)	(22,524)	(5,112,856)
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8,872,482	7,233,899	2,469,906	11,286,164	29,862,451
Khấu hao					
Số đầu năm	7,363,810	6,939,302	4,949,133	9,167,514	28,419,759
Tăng trong kỳ	404,866	1,104,801	200,259	512,577	2,222,503
Thanh lý	-	(56,480)	(4,264,567)	-	(4,321,047)
Chuyển nhóm tài sản	-	(2,798,186)	(293,560)	(15,772)	(3,107,518)
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7,768,676	5,189,437	591,265	9,664,319	23,213,697
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1,508,672	4,172,294	5,725,077	1,416,371	12,822,414
Số cuối kỳ	1,103,806	2,044,462	1,878,641	1,621,845	6,648,754

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<u>Tập đoàn</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Nhãn hiệu hàng hóa</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng</u>	<u>Quan hệ khách hàng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	144,357,199	9,558,693	544,435,586	-	320,647,475	1,018,998,953
Tăng do mua công ty con	9,058,315	306,116	-	-	4,578	9,369,009
Tăng trong kỳ	2,245,854	86,303	-	1,004,074	-	3,336,231
Tăng từ XDCBDD	-	12,935,667	-	-	-	12,935,667
Chuyển nhóm tài sản	(11,365)	(404,538)	-	-	-	(415,903)
Số dư cuối kỳ	155,650,003	22,482,241	544,435,586	1,004,074	320,652,053	1,044,223,957
Khấu hao						
Số đầu năm	15,920,168	6,968,787	63,927,508	-	74,817,744	161,634,207
Tăng trong kỳ	2,177,429	1,499,173	27,330,977	-	32,068,109	63,075,688
Chuyển nhóm tài sản	-	(161,305)	-	-	-	(161,305)
Số dư cuối kỳ	18,097,597	8,306,655	91,258,485	-	106,885,853	224,548,590
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	128,437,031	2,589,906	480,508,078	-	245,829,731	857,364,746
Số cuối kỳ	137,552,406	14,175,586	453,177,101	1,004,074	213,766,200	819,675,367

Công ty

Nguyên giá						
Số đầu năm	-	9,470,007	636,364	-	-	10,106,371
Tăng trong kỳ	-	86,303	-	-	-	86,303
Tăng từ XDCBDD	-	-	-	-	-	-
Chuyển nhóm tài sản	-	(293,638)	-	-	-	(293,638)
Số dư cuối kỳ	-	9,262,672	636,364	-	-	9,899,036
Khấu hao						
Số đầu năm	-	6,885,249	484,266	-	-	7,369,515
Tăng trong kỳ	-	1,024,654	57,343	-	-	1,081,997
Chuyển nhóm tài sản	-	(69,232)	-	-	-	(69,232)
Số dư cuối kỳ	-	7,840,671	541,609	-	-	8,382,280
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	2,584,758	152,098	-	-	2,736,856
Số cuối kỳ	-	1,422,001	94,755	-	-	1,516,756

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn		Công ty	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Số dư đầu năm	671,860,612	577,188,957	724,803	959,466
Mua công ty con	215,275			
Tăng trong kỳ	140,045,328	874,241,502	211,825	2,719,310
Chuyển sang tài sản cố định	(181,169,645)	(771,787,749)	(912,588)	(2,895,948)
Chuyển sang chi phí trả trước	(3,440,763)	(7,782,098)	-	(58,025)
Số dư cuối kỳ	627,510,807	671,860,612	24,040	724,803

Trong kỳ, chi phí được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 3.700 triệu VND.

11 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tập đoàn		Công ty	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Vinacafe Biên Hòa			1,209,140,528	1,209,140,528
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Ma San			879,022,859	879,022,859
Công ty TNHH MTV Hoa Mười Giờ			10,000	10,000
Công ty CP Nước khoáng Vĩnh Hảo			438,370,009	-
Cộng			2,526,543,396	2,088,173,387

Chi tiết đầu tư vào công ty con của công ty TNHH MTV Thực phẩm Ma San:

Công ty TNHH MTV Công nghiệp Ma San			582,117,720	582,117,720
Công ty TNHH MTV Bao Bì Minh Việt			71,552,710	71,552,710
Công ty TNHH MTV Công nghệ Việt Tiến			138,452,700	138,452,700
Công ty TNHH MTV Ma San HD			68,000,000	68,000,000
Công ty CP Ma San PQ			18,900,000	18,900,000
Cộng	-	-	879,023,130	879,023,130

12 Đầu tư dài hạn khác

	Tập đoàn		Công ty	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Số dư đầu năm	365,500,000	-	234,500,000	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 13 tháng	-	365,500,000	-	234,500,000
Đầu tư dài hạn khác	3,600,000	-	-	-
Số dư cuối kỳ	369,100,000	365,500,000	234,500,000	234,500,000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

13 Chi phí trả trước dài hạn

<u>Tập đoàn</u>	<u>Chi phí thuê đất trả trước</u> VND'000	<u>Trục in</u> VND'000	<u>Công cụ dụng cụ</u> VND'000	<u>Sửa chữa bảo trì</u> VND'000	<u>Trả trước khác</u> VND'000	<u>Tổng cộng</u> VND'000
Số dư đầu năm	2,286,309	708,638	1,504,905	8,824,004	5,590,429	18,914,285
Tăng do mua công ty con			2,693,838	1,155,160	2,211,658	6,060,656
Tăng trong kỳ	-	1,202,995	1,752,469	391,772	2,570,660	5,917,896
Chuyển từ XDCBDD	-	-	1,680,716	1,687,280	-	3,367,996
Chuyển đổi loại hình	-	-	6,857,757	1,854,548	2,836,021	11,548,326
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	-	-	(2,036,085)	(2,815,201)	(1,238,934)	(6,090,220)
Thanh lý	-	(4,500)	(114,840)	-	-	(119,340)
Phân bổ trong kỳ	(30,017)	(1,319,160)	(2,518,771)	(2,811,960)	(2,003,279)	(8,683,187)
Số dư cuối kỳ	2,256,292	587,973	9,819,989	8,285,603	9,966,555	30,916,412
Công ty						
Số dư đầu năm	-	-	211,637	-	130,281	341,918
Tăng trong kỳ	-	-	54,655	-	1,987,137	2,041,792
Chuyển từ XDCBDD	-	-	-	-	-	-
Chuyển đổi loại hình	-	-	2,005,338	-	224,406	2,229,744
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	-	-	(132,000)	-	(1,232,441)	(1,364,441)
Thanh lý	-	-	(11,565)	-	-	(11,565)
Phân bổ trong kỳ	-	-	(192,233)	-	(360,692)	(552,925)
Số dư cuối kỳ	-	-	1,935,832	-	748,691	2,684,523

14 Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Số cuối kì</u> VND'000	<u>Số đầu năm</u> VND'000	<u>Số cuối kì</u> VND'000	<u>Số đầu năm</u> VND'000
Vay ngắn hạn ngân hàng	995,764,748	1,540,393,217	543,324,755	758,686,221
Vay dài hạn đến hạn trả	117,617,346	143,053,637	-	-
Cộng	1,113,382,094	1,683,446,854	543,324,755	758,686,221

15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Số cuối kì</u> VND'000	<u>Số đầu năm</u> VND'000	<u>Số cuối kì</u> VND'000	<u>Số đầu năm</u> VND'000
Thuế giá trị gia tăng	48,175,220	32,660,367	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	9,572,479	11,230,283	252,206	431,369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	221,326,092	513,890,172	91,189,588	273,163,504
Thuế thu nhập cá nhân	3,326,143	2,802,011	2,457,115	2,653,496
Các loại thuế khác	522,094	20,747	-	-
Cộng	282,922,028	560,603,580	93,898,909	276,248,369

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

16 Chi phí phải trả

	Tập đoàn		Công ty	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Chi phí vận chuyển	47,486,960	30,614,978	43,765,360	25,247,552
Thưởng và lương tháng 13	22,370,814	45,011,058	11,591,316	14,561,573
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	101,545,837	139,125,019	7,292,753	25,845,496
Chiết khấu thương mại	25,573,281	41,187,829	13,487,267	36,530,214
Chi phí tài chính	68,386,792	68,028,786	417,290	1,191,344
Chi phí khác	134,348,854	70,680,448	39,288,052	3,165,139
Cộng	399,712,538	394,648,118	115,842,038	106,541,318

17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tập đoàn		Công ty	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	2,454,989	233,460	2,398,135	148,095
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36,435,823	31,115,589	185,547,597	19,615
Cộng	38,890,812	31,349,049	187,945,732	167,710

18 Lợi thế thương mại

	VND'000
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ	284,728,172
Tăng trong kỳ	367,433,041
Số dư cuối kỳ	652,161,213
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(36,095,998)
Khấu hao trong kỳ	(25,820,122)
Số dư cuối kỳ	(61,916,120)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	248,632,174
Số dư cuối kỳ	590,245,093

19 Phải trả dài hạn khác

Nợ dài hạn khác chủ yếu là khoản lãi tiền gửi phải trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San. Khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi.

20 Vay và nợ dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối kỳ VND'000	Số đầu năm VND'000
Vay dài hạn	2,452,411,579	2,664,997,057	-	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	117,617,346	(143,053,637)	-	-
Cộng	2,570,028,925	2,521,943,420	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Doanh thu**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Tổng doanh thu	4,354,939,850	4,164,133,556	3,508,065,605	3,425,809,986
Các khoản giảm trừ doanh thu				
<i>Chiết khấu thương mại</i>	70,922,698	73,513,395	49,544,991	73,513,395
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	13,938,468	28,745,654	2,666,146	11,920,116
Doanh thu thuần	4,270,078,684	4,061,874,507	3,455,854,468	3,340,376,475

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Giá vốn hàng bán	2,639,751,019	2,444,658,554	3,188,718,300	3,185,910,342
Giá vốn khác	11,708,357	20,045,028	43,669	13,179,252
Cộng	2,651,459,376	2,464,703,582	3,188,761,969	3,199,089,594

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	676,049,223	632,370,028	774,619,067	562,684,617
Cổ tức từ đầu tư góp vốn	-	-	16,969,093	16,026,313
Lãi CLTG hối đoái	38,727,292	5,058,443	9,403,458	60,195
Doanh thu tài chính khác	483,325	981,927	-	-
Cộng	715,259,840	638,410,398	800,991,618	578,771,125

4 Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Lãi tiền vay	211,025,757	232,695,833	209,684,236	203,534,243
Lỗ CLTG hối đoái	32,653,226	1,367,483	2,382,100	142,431
Chi phí tài chính khác	7,626,857	1,520,177	-	-
Cộng	251,305,840	235,583,493	212,066,336	203,676,674

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

5 Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Thu từ thanh lý TSCĐ	113,079	807,728	3,844,077	12,309
Thu từ thanh lý phế phẩm, vật liệu	7,337,149	9,569,059	891,505	-
Thu từ thuế nhập khẩu được hoàn	13,349,748	4,392,657	-	-
Thu khác	1,420,021	2,764,540	427,691	2,186,395
Cộng	22,219,997	17,533,984	5,163,273	2,198,704

6 Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Giá trị còn lại từ thanh lý TSCĐ	243,195	2,262,619	3,796,377	-
Giá trị phế phẩm, vật liệu thanh lý	5,720,198	6,288,866	863,590	-
Chi phí thuế bị phạt, truy thu	593,371	19,542	203,833	1,320
Chi khác	603,384	287,000	125,966	38,782
Cộng	7,160,148	8,858,027	4,989,766	40,102

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MA SAN

Địa chỉ: Lầu 12 Kumho Asiana, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày : 30/06/2013

V. SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Ma San, một công ty con của Công ty đã ký hợp đồng với JP Morgan cho khoản vay 175 triệu đô la Mỹ trong ba năm, trong đó số tiền 150 triệu đô la Mỹ sẽ được giải ngân vào tháng 8 năm 2013. Ngoài ra, 150 triệu đô la Mỹ của khoản vay được bảo đảm bằng Cơ quan bảo lãnh đầu tư đa phương ("MIGA"), một thành viên của Ngân hàng Thế giới. Phần khoản vay được bảo đảm bởi MIGA chịu lãi suất LIBOR + 3,5% và phần khoản vay không được bảo đảm bởi MIGA chịu lãi suất LIBOR + 4,5%. Số tiền thu được sẽ được sử dụng để tái cấp vốn cho khoản vay 108 triệu đô la Mỹ hiện tại và tiếp tục đầu tư vào các doanh nghiệp kinh doanh trong ngành hàng tiêu dùng của Tập Đoàn. Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San chịu trách nhiệm bảo lãnh cho khoản vay này.

Vào ngày 2 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt (i) việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Hoa Mười Giờ bằng việc sử dụng toàn bộ khoản gốc và lãi đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của khoản vay do Công ty cấp cho Công ty TNHH Một thành viên Hoa Mười Giờ và (ii) việc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Hoa Mười Giờ cho một hoặc nhiều nhà đầu tư trong nước hoặc nước ngoài. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Hoa Mười Giờ đã hoàn tất việc đăng ký tăng vốn điều lệ lên 2.166.562.900.000 đồng.

Người lập:

Phạm Đình Toại
Giám đốc tài chính

Người duyệt

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị